**PHỤ LỤC 2**

**Danh mục dự án thực hiện thủ tục đầu tư**

**A. Dự án thuộc diện Quyết định chủ trương đầu tư**

**I. Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội** *(****Điều 30, Luật Đầu tư 2014).***

1. Dự án ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, bao gồm:

a) Nhà máy điện hạt nhân;

b) Chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 héc ta trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 héc ta trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 héc ta trở lên;

2. Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên;

3. Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác;

4. Dự án có yêu cầu phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.

**II. Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ** *(****Điều 31, Luật Đầu tư 2014)***

1. Dự án không phân biệt nguồn vốn thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Di dân tái định cư từ 10.000 người trở lên ở miền núi, từ 20.000 người trở lên ở vùng khác;

b) Hoạt động kinh doanh cá cược, đặt cược, casino;

c) Sản xuất thuốc lá điếu;

d) Phát triển kết cấu hạ tầng KCN, KCX, khu chức năng trong KKT;

đ) Xây dựng và kinh doanh sân gôn;

2. Dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này có quy mô vốn đầu tư từ 5.000 tỷ đồng trở lên;

3. Dự án của nhà đầu tư nước ngoài trong các lĩnh vực kinh doanh dịch vụ viễn thông có hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí, thành lập tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp khoa học và công nghệ 100% vốn nước ngoài;

4. Dự án khác thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật.

**III.** **Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh *(Điều 32 - Luật Đầu tư 2014):***

1. Trừ những dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc Hội và Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án sau đây:

a) Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất;

b) Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

2. Dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thực hiện tại KCN, KKT phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt không phải trình UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

**B. Dự án phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư**

***I. Các dự án phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:***

1. Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài;

2. Dự án có vốn đầu tư nước ngoài gồm:

a) Có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên hoặc có đa số thành viên hợp danh là cá nhân nước ngoài đối với tổ chức kinh tế là công ty hợp danh;

b) Có tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51% vốn điều lệ trở lên;

c) Có nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế quy định tại điểm a khoản này nắm giữ từ 51 % vốn điều lệ trở lên.

***II. Các dự án không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:***

1. Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước;

2. Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 nêu trên;

3. Dự án đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

***III.*** Các dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư nêu tại **phần A**; các dự án của nhà đầu tư trong nước, Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không thuộc trường hợp quy định tại **khoản 2, khoản 3 Mục II phần B** nêu trên thực hiện dự án đầu tư sau khi nhận được quyết định chủ trương đầu tư.

***IV.*** Các dự án nêu tại **mục II phần B** nếu có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định.

**C. Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao**

1. Công nghệ sản xuất đèn chiếu sáng bằng sợi đốt trong khí trơ.

2. Công nghệ sản xuất linh kiện điện tử chân không, linh kiện bán dẫn mức độ tích hợp thấp.

3. Công nghệ sản xuất các loại mạch in 1 lớp, 2 lớp.

4. Công nghệ in tiền và các loại giấy in tiền, giấy tờ có mệnh giá.

5. Công nghệ sản xuất xe ôtô không đáp ứng tiêu chuẩn khí thải Euro 3.

6. Công nghệ làm sạch vỏ tàu bằng hạt Nix.

7. Công nghệ làm giàu các chất phóng xạ.

8. Công nghệ sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.

9. Công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng Amiăng trắng.

10. Công nghệ sản xuất gạch ốp lát có công suất nhỏ hơn 2 triệu m2/năm.

11. Công nghệ sản xuất kính nổi có mức tiêu hao nhiên liệu và năng lượng như sau: Dầu FO lớn hơn 200 kg/tấn sản phẩm; dầu DO lớn hơn 0,5 kg/tấn sản phẩm; điện lớn hơn 100 KWh/tấn sản phẩm.

12. Công nghệ sản xuất ván sợi theo phương pháp ướt.

13. Công nghệ sản xuất trang sức đồ gỗ, lâm sản chứa lưu huỳnh hoặc tồn tại hợp chất hữu cơ bay hơi hàm lượng cao.

14. Công nghệ sản xuất bột ôxit titan có sử dụng axit sulfuric.

15. Công nghệ sản xuất phân bón hóa học có công suất dưới 1.000 tấn/năm.

16. Công nghệ đồng phân hóa sử dụng các axit flohydric, axit sulfuric làm xúc tác.

17. Công nghệ sử dụng hóa chất độc hại trong nuôi, trồng và chế biến thủy sản.

18. Công nghệ sản xuất thuốc bảo quản lâm sản chứa thạch tín (arsenic).

19. Công nghệ in tráng phim sử dụng hóa chất độc hại.

20. Công nghệ sản xuất các loại thuốc sát trùng gia dụng, thuốc diệt côn trùng, diệt chuột bằng phương pháp sinh học gây độc hại cho con người và môi trường.

21. Công nghệ sử dụng các loài sinh vật phi bản địa bao gồm động vật, thực vật và vi sinh vật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, bảo vệ thực vật và các lĩnh vực khác.

22. Công nghệ tạo giống cây trồng, vật nuôi bằng phương pháp biến đổi gien trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.

23. Công nghệ nuôi trồng, sản xuất, chế biến thực phẩm sử dụng chất bảo quản thực phẩm, chất kích thích tăng trưởng chưa được thử nghiệm độ an toàn.